

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2022/HS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Hợp - Nguyên Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn Văn Anh - Bí thư Đoàn phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022; thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 18/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2022 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 20/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Nùng, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1975 và bà Dương Thị T, sinh năm 1973, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

2. Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/12/2005 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1980, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

3. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 2001 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Hà Thị M, sinh năm 1979, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

4. Nguyễn Sanh Trường D (tên gọi khác: Không), sinh năm 2000 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Huỳnh Thị O, sinh năm 1965, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

5. Lê Quang T (tên gọi khác: Không), sinh năm 2002 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Quang T, sinh năm 1968 và bà Lê Thị X, sinh năm 1970, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

6. Nguyễn Sơn K (tên gọi khác: Không), sinh năm 2001 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Ngọc Ú, sinh năm 1969, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

7. Vũ Văn N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không,

Tiền sự 01: Ngày 29/8/2018, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động buôn bán hàng cấm số 2069/QĐ-XPVPHC với tổng số tiền 91.000.000 đồng (Bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn L (Bị cáo là người chưa thành niên):

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1980; cùng cư trú tại địa chỉ khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Cha mẹ ruột của bị cáo L) “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L (Bị cáo là người chưa thành niên):

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước - Thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Bà Lưu Thị Thùy T, sinh năm 2003; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2002; nơi cư trú tổ 5, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 2003; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 3, xã Nghĩa T, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 22/3/2004; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Mã Thị Trâm A, sinh năm 2003; nơi cư trú ấp T 01, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Nguyễn Tấn P (tên gọi khác: D), sinh năm 1993; nơi cư trú ấp T 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Nông Đại T (tên gọi khác: T M), sinh năm 1996; nơi cư trú tổ 5A, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người chứng kiến:

Ông Khương Quang D, sinh năm 1971; nơi cư trú khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân là người sử dụng ma túy nên từ khoảng tháng 12/2021, Hoàng Văn Đ nảy sinh ý định cho khách đến thuê phòng tại căn nhà số 13, tổ 4, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để sử dụng ma túy nhằm thu lợi bất chính. Sau đó, Đ tiến hành sửa chữa phòng số 01 của căn nhà bằng việc trang bị phòng cách âm, lắp loa nghe nhạc, lắp đèn Laser, chuẩn bị sẵn các công cụ dùng để sử dụng ma túy như đĩa sứ, thẻ nhựa, khăn lạnh, nước suối và ma túy (gói combo) để phục vụ khách đến thuê phòng.

Khoảng 23 giờ ngày 21/01/2022, Nguyễn Văn L cùng với Nguyễn Văn T, Lê Quang T, Nguyễn Sanh Trường D và người thanh niên tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng ngồi nhậu tại quán “Ốc Ngon 78” thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Lúc này, L gọi điện rủ Hoàng Văn Đ và Nguyễn Thị Kiều T đến ngồi nhậu cùng, khoảng 30 phút sau Đ và T đi về trước.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/01/2022, trong lúc ngồi nhậu L rủ T, T1 và D cùng đi sử dụng ma túy (bay lắc) thì tất cả đồng ý và cùng nhau thỏa thuận L là người đặt phòng, mua ma túy và gọi gái điu bay đến cùng sử dụng ma túy, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy xong thì sẽ cùng nhau góp tiền lại trả, còn T do không sử dụng nên L không rủ. Lợi gọi điện thoại cho Đ để thuê phòng và mua ma túy cho nhóm của L đến sử dụng thì Đ đồng ý và báo giá 6.000.000 đồng (gồm tiền thuê phòng, giá nửa hộp năm ma túy “Khay” và 02 viên thuốc lắc). T tiếp tục gọi điện thoại cho Đ để thống nhất sau khi bay lắc xong, T, D và T1 sẽ góp 5.000.000 đồng để trả cho Đ, còn L góp 1.000.000 đồng trả cho Đ sau thì Đ đồng ý. Sau khi thống nhất việc bay lắc xong cả nhóm tiếp tục ăn nhậu, L gọi điện thoại cho Nguyễn Sơn K đến nhậu cùng thì K đồng ý. Tại đây, L nói cho K biết việc L, T, D và T cùng thỏa thuận góp tiền chuẩn bị đi bay lắc và rủ K tham gia thì K đồng ý. K và L cùng đi vào nhà vệ sinh để nói chuyện, tại đây K nói với L là chỉ có 700.000 đồng để góp cùng mọi người nhưng tiền để ở nhà nên sẽ góp sau khi đi bay lắc thì L đồng ý. Khoảng 20 phút sau, cả nhóm nghỉ nhậu và cùng nhau đi đến nhà của Đ, thuộc khu phố S, phường T, thành phố Đ như đã thỏa thuận trước đó. L điều khiển xe mô tô biển số 93P2-572.15 chở theo K, T điều khiển xe mô tô biển số 93P2-699.87 chở theo D, còn T điều khiển xe mô tô chở theo T.

Khi cả nhóm đến nơi, Đ ra mở cửa cổng và dẫn cả nhóm vào phòng số 01 do Đ đã chuẩn bị sẵn loa, đèn laser, đĩa sù, khăn lạnh, nước uống, là các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Đ gọi điện thoại cho một người thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua “nửa hộp năm” ma túy khay, hẹn giao nhận tại nhà của Đ thì H đồng ý và báo giá 3.000.000 đồng. Khoảng 30 phút sau, người thanh niên tên H đến và đưa cho Đ01 bọc nylon bên trong chứa ma túy khay và Đ trả cho H số tiền 3.000.000 đồng và mang ma túy vào nhà. Lúc này do không có ma túy thuốc lắc và trước đó biết T (là người Đ cho ở cùng nhà) cất giấu ma túy thuốc lắc ở trên nóc tủ quần áo trong phòng bếp nên Đ nảy sinh ý định lấy ma túy của N, sau đó sẽ mua trả lại cho N để đưa cho nhóm của L. Đi đến nóc tủ quần áo trong phòng bếp lấy bọc nylon chứa 04 viên ma túy thuốc lắc của N và lấy ra 02 viên ma túy màu xanh cho vào 01 bọc nylon khác, 02 viên ma túy còn lại Đ để lại chỗ cũ. Sau khi có được ma túy, Đ mang vào phòng cho nhóm của L 01 bọc nylon chứa 02 viên ma túy dạng thuốc lắc màu xanh, 01 bọc nylon chứa ma túy dạng khay như đã thỏa thuận trước đó, T thấy mọi người chuẩn bị sử dụng ma túy nên bỏ ra về. Đ lấy bọc ma túy “Khay” trích ra một ít bỏ vào đĩa sù, dùng quẹt ga đốt nóng (xào khay) ma túy cho cả nhóm cùng sử dụng. Kỳ lấy bọc nylon chứa 02 viên ma túy dạng thuốc lắc ra bẻ thành nhiều cục nhỏ cho cả nhóm cùng sử dụng. Do có thỏa thuận với nhau về việc gọi gái điu bay (cùng sử dụng ma túy) nên L dùng điện thoại di động gọi cho Nguyễn Thị Kiều T và Nguyễn Thị Ngọc H đến điu bay thì T và H đồng ý. Đồng thời L kêu H rủ thêm bạn đến chơi cùng thì H đồng ý và gọi điện thoại rủ Mã Thị Trâm A đi cùng thì A đồng ý. Lợi tiếp tục gọi điện thoại cho Lưu Thị Thùy T đến điu bay thì T đồng ý và L kêu T gọi điện rủ thêm bạn đến chơi cùng nên T gọi điện rủ Phạm Thị Mỹ D cùng đi. Sau đó, Kiều T, H, Trâm A, Thùy T và D cùng đến và sử dụng ma túy chung với L, T, D, T, K và Đ. Sau khi sắp xếp cho nhóm của L bay lắc thì Đ đi ra khỏi nhà, còn nhóm của L tiếp tục sử dụng ma túy. K tiếp tục lấy bọc nylon chứa số ma túy Khay còn lại đổ ra đĩa sù, mang xuống phòng bếp dùng quẹt ga đốt nóng ma túy (xào khay), dùng thẻ nhựa ATM của mình chia ma túy ra thành nhiều đường nhỏ và

mang vào trong phòng cho mọi người tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 03 giờ ngày 22/01/2022, trong khi tất cả đang cùng nhau sử dụng ma túy thì bị Công an thành phố Đ phát hiện nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật.

Qua kiểm tra phòng ngủ thứ hai (02), Công an thành phố Đ phát hiện T cùng với Nông Đại T, Nguyễn Tấn P đang có mặt tại phòng ngủ, phát hiện trong tủ quần áo ở phòng bếp có 01 túi xách da màu đen vàng, bên trong có 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước 7,0x4,0cm chứa 10 viên nén màu đỏ, 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước 5,0x4,0cm chứa 04 viên nén màu đỏ và một nửa viên màu đỏ, trên nóc tủ quần áo phát hiện 01 gói nylon hàn kín các mép bên trong có 01 viên màu vàng, 01 gói nylon hàn kín các mép bên trong có 02 viên màu vàng và màu xanh. N khai nhận số viên nén trên là ma túy dạng thuốc lắc của N cất giấu với mục đích để sử dụng, cụ thể như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với Đ từ trước nên vào khoảng tháng 7/2021, N đến ở cùng với Đ tại căn nhà do Đ thuê thuộc khu phố S, phường T, thành phố Đ. Đ ở căn phòng số 01 còn N ở căn phòng số 02. Quá trình sinh sống tại đây, do bản thân là người sử dụng ma túy nên N nảy sinh ý định mua ma túy về cất giấu để sử dụng dần. Đến khoảng 09 giờ ngày 20/01/2022, N gọi điện thoại cho một người thanh niên tên N (không rõ lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh hỏi mua 30 viên ma túy thuốc lắc với giá 3.600.000 đồng, hẹn giao nhận tiền và ma túy tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì N đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại cho N hẹn gặp nhau tại khu vực ngã ba Trạm điện thuộc phường T, thành phố Đ. N đón xe ôm đến nơi, tại đây N đưa cho Ngân số tiền 3.600.000 đồng thì Ngân đưa cho N 01 bọc nylon chứa 30 viên ma túy thuốc lắc, trong đó có 25 viên màu đỏ, 03 viên màu xanh, 01 viên màu vàng và 01 viên màu xám. Sau đó N cất giấu số ma túy vừa mua được vào trong người và đón xe ôm quay về nhà, còn N bỏ đi. Khi về đến nhà gặp Đ nên N lấy bọc ma túy ra cho Đ xem và lấy 01 viên ma túy thuốc lắc màu đỏ bẻ ra một nửa để sử dụng một mình, một nửa còn lại bỏ vào bọc nylon như cũ. N lấy 01 viên màu vàng bỏ vào 01 gói nylon hàn kín, 01 viên màu xám cùng với 03 viên màu xanh bỏ vào 01 gói nylon hàn kín rồi cất giấu trên nóc tủ quần áo trong phòng bếp. Số ma túy còn lại N lấy 10 viên bỏ vào 01 gói nylon miệng kéo dính, lấy 10 viên tiếp bỏ vào 01 gói nylon miệng kéo dính khác, 04 viên và nửa viên còn lại để trong bọc nylon cũ. N cất giấu 03 bọc nylon chứa ma túy này vào túi da màu đen – vàng để trong ngăn tủ quần áo trong phòng bếp và sinh hoạt bình thường. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/01/2022, khi N đang ở phòng của mình thì có Nông Đại T và Nguyễn Tấn P là bạn của N đến chơi và cùng ngủ lại trong phòng số 02. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì bị Công an thành phố Đ tiến hành kiểm tra, phát hiện số ma túy mà N cất giấu trước đó nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 35/2022/GĐ-MT ngày 26/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước giám định loại, khối lượng tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang đối với các bị cáo, kết quả:

- Chất bột màu trắng (ký hiệu M1) có trong 01(một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 0,1737 gam (không thấy một bảy ba bảy gam).

- Viên nén màu đỏ (24 viên nguyên và ½ viên) ký hiệu (M2-1) có trong 03 túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 9,1575 gam (chín phẩy một năm bảy năm gam).

- 01 Viên nén màu vàng (ký hiệu M2-2) có trong gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,4914 gam (không phẩy bốn chín một bốn gam).

- 01 Viên nén màu xám (ký hiệu M2-3) có trong gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,6013 gam (không phẩy sáu không một ba gam).

- 01 Viên nén màu xanh (ký hiệu M2-4) có trong gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,5680 gam (không phẩy năm sáu tám không gam).

Ketamine, là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.

Tại Bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và Nguyễn Sơn K về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và Nguyễn Sơn K phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị cáo T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sanh Trường D mức án từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang T mức án từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn K mức án từ 04 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 04 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 bì thư ký hiệu vụ số 35 (M2-1) ngày 23/01/2022 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 đĩa sứ màu trắng có in hình hoa văn; 01 cân điện tử; 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước 7,0x4,0cm bên trong không có gì; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá;

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; 01 đèn chiếu Laser Show System màu xám; 01 đèn xoay chiếu sáng màu trắng; 01 loa nghe nhạc hiệu harman/kardon;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sơn K 01 thẻ nhựa màu xanh, loại thẻ ATM của ngân hàng MB, mang tên NGUYEN SON KY, số thẻ 4089 0410 9254 9120 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng Gold; Trả lại cho bị cáo Lê Quang T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sanh Trường D 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô Honda Wave biển số 47H1-570.88.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo là người chưa thành niên, cha mẹ đã ly hôn bị cáo ở với chị nên thiếu sự giáo dục của gia đình, bị cáo có Bác là liệt sỹ.

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T, Nguyễn Sơn K và T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ: Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý

kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên khoảng tháng 12/2021, Hoàng Văn Đ đã lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng tại phòng số 01 căn nhà số 13, thuộc tổ 4, khu phố Suối Đá, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để cho người có nhu cầu sử dụng ma túy thuê. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/01/2022, Nguyễn Văn L rủ Nguyễn Văn T, Lê Quang T và Nguyễn Sanh Trường D góp tiền đến nhà của Đ để cùng nhau sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý và thống nhất L là người liên hệ Đ đặt phòng, mua ma túy và gọi gái điu bay, sau khi được Đ báo giá 6.000.000 đồng (gồm tiền thuê phòng, giá nửa hộp năm ma túy “Khay” và 02 viên thuốc lắc), L tiếp tục gọi điện thoại cho Đ để thống nhất việc sau khi bay lắc xong thì T, D và T sẽ góp 5.000.000 đồng để trả cho Đ, còn L góp 1.000.000 đồng trả cho Đ. Sau đó L tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Sơn K đến quán “Ốc ngon 78” nói cho K biết việc cả nhóm tổ chức sử dụng ma túy thì K đồng ý và nói góp 700.000 đồng sau khi bay lắc xong sẽ trả, sau đó L chở theo K, T chở theo D, T chở theo T cùng đến chỗ Đ, Sau khi L liên hệ Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Kiều T, Lưu Thị Thùy T đến điều bay thì Thùy T gọi Phạm Thị Mỹ D, H rủ thêm Mã Thị Trâm A cùng đến nhà của Đ, tại đây K tham gia xào khay để cả nhóm cùng nhau sử dụng ma túy.

Đến khoảng 03 giờ ngày 22/01/2022, trong khi tất cả đang cùng nhau sử dụng ma túy thì bị Công an thành phố Đ phát hiện nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật. Qua kiểm tra phòng ngủ thứ hai (02), Công an thành phố Đ phát hiện T tàng trữ ma túy và thu giữ của T 10,8182 gam ma túy loại Ketamine do N mua để sử dụng.

Trong vụ án này, các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và Nguyễn Sơn K đã cùng nhau tổ chức cho Nguyễn Thị Kiều T, Lưu Thị Thùy T, Mã Thị Trâm A, Phạm Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Ngọc H sử dụng trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “*đối với 02 người trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 255 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố.

Đối với T có hành vi tàng trữ 10,8182 gam ma túy loại Ketamine để sử dụng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý và sử dụng các chất gây nghiện, các chất ma túy là hoạt động độc quyền của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Hành vi của các bị cáo gây ra ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe của con người và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nhưng vì thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là công dân đã trưởng thành, phát triển bình thường; đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bản thân các bị cáo biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe, tổn kém tiền bạc, tài sản của những người sử dụng, bị nghiêm cấm và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song vì xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn Đ: Bị cáo là người giữ vai trò chính cho thuê địa điểm để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời là người thực hành việc chuẩn bị ma túy và công cụ phương tiện phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Nguyễn Văn L là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và Nguyễn Sơn K cùng góp tiền thực hiện tội phạm nên cần có mức án cao hơn các bị cáo khác tuy nhiên khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cần xem xét mức án cho phù hợp.

Bị cáo Nhân có hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 01 tiền sự: Ngày 29/8/2018, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động buôn bán hàng cấm số 2069/QĐ-XPVPHC với tổng số tiền 91.000.000 đồng (Bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt)

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu. Bị cáo Nguyễn Sơn K tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và gia đình có công với cách mạng. Bị cáo L khi phạm tội là người chưa thành niên nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Bị cáo Hoàng Văn Đ là người cho thuê địa điểm, cung cấp ma túy và công cụ cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xét xử mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T là người mới

trưởng thành bông bột trong suy nghĩ, nhận thức cũng như thực hiện hành vi nên cần xem xét áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo T có hành vi tàng trữ 10,8182 gam ma túy loại Ketamine để sử dụng, bị cáo đã có 1 tiền sự nên cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định và đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[8] Đối với người thanh niên tên H là người bán ma túy cho Đ vào ngày 22/01/2022, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với người thanh niên tên N là người bán ma túy cho N vào ngày 20/01/2022, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Kiều T, Lưu Thị Thùy Tr, Mã Thị Trâm A, Phạm Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Ngọc H là người được Nguyễn Văn L rủ đến để cùng với L, T, D, T1 và K bỏ ma túy ra cho cùng sử dụng vào ngày 22/01/2022. Quá trình điều tra xác định việc Kiều T, Thùy T, Trâm A, H và D sử dụng ma túy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 01 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

Đối với người thanh niên tên T có cùng đến nhà Đ cùng nhóm của Nguyễn Văn L, tuy nhiên T thống nhất góp tiền và không tham gia sử dụng ma túy, hiện không xác minh được nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở xử lý.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tiêu hủy số vật chứng hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 bì thư ký hiệu vụ số 35 (M2-1) ngày 23/01/2022 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 đĩa sứ màu trắng có in hình hoa văn; 01 cân điện tử; 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước 7,0x4,0cm bên trong không có gì; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 đèn chiếu Laser Show System màu xám; 01 đèn xoay chiếu sáng màu trắng; 01 loa nghe nhạc hiệu harman/kardon; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen do đây là công cụ, phương tiện được các bị cáo dùng liên hệ thực hiện hành vi phạm tội;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sơn K 01 thẻ nhựa màu xanh, loại thẻ ATM của ngân hàng MB, mang tên NGUYEN SON KY, số thẻ 4089 0410 9254 9120; Trả lại cho bị cáo Kỳ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng Gold; Trả lại cho bị cáo Tân 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; Trả lại cho bị cáo Dũng 01 điện thoại di động hiệu

Iphone màu trắng, Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen do đây là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave biển số 47H1-570.88 do đây là phương tiện đi lại của bị cáo Đ, không phải công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T và Nguyễn Sơn K phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị cáo T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

2. Về điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 07 (bảy) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sanh Trường D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 04 (bốn) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 bì thư ký hiệu vụ số 35 (M2-1) ngày 23/01/2022 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 đĩa sứ màu trắng có in hình hoa văn; 01 cân điện tử; 01 bọc nylon miệng kéo dính kích; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá;

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; 01 đèn chiếu Laser màu xám; 01 đèn xoay chiếu sáng; 01 loa nghe nhạc đã cũ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sơn K 01 thẻ nhựa màu xanh, loại thẻ ATM của ngân hàng MB, mang tên NGUYEN SON KY và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng Gold; Trả lại cho bị cáo Lê Quang T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sanh Trường D 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô Honda Wave biển số 47H1-570.88 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002005, quyển số 0041, ký hiệu D47/2017 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sanh Trường D, Lê Quang T, Nguyễn Sơn K và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị cáo L, Người bào chữa của bị cáo L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

Nguyễn Đức Hùng